

Số: /2025/TT-BNV

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

THÔNG TƯ

Quy định về đặc điểm kinh tế - kỹ thuật của dịch vụ kiểm định kỹ thuật máy móc, thiết bị vật tư và các chất có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động

Căn cứ Luật Giá ngày 19 tháng 6 năm 2023;

Căn cứ Luật An toàn, vệ sinh lao động ngày 25 tháng 6 năm 2016;

Căn cứ Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 07 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Nghị định số 25/2025/NĐ-CP ngày 21 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nội vụ;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Việc làm;

Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành Thông tư quy định về đặc điểm kinh tế - kỹ thuật của dịch vụ kiểm định kỹ thuật máy móc, thiết bị vật tư và các chất có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định đặc điểm kinh tế - kỹ thuật của dịch vụ kiểm định kỹ thuật máy móc, thiết bị vật tư và các chất có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động (sau đây gọi tắt là dịch vụ kiểm định kỹ thuật an toàn lao động).

2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân sau:

- Các tổ chức kiểm định kỹ thuật an toàn lao động hoạt động theo quy định của pháp luật về an toàn, vệ sinh lao động;
- Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 2. Đặc điểm kinh tế - kỹ thuật của dịch vụ kiểm định kỹ thuật an toàn lao động

Ban hành kèm theo Thông tư này Phụ lục quy định đặc điểm kinh tế - kỹ thuật của dịch vụ kiểm định kỹ thuật an toàn lao động.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2025.
2. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, các quy trình kiểm định được viện dẫn trong Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo văn bản mới.
3. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị các cơ quan, tổ chức, cá nhân kịp thời phản ánh bằng văn bản về Bộ Nội vụ (qua Cục Việc làm) để xem xét, giải quyết./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng Chính phủ;
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Tổng Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố;
- Sở Nội vụ các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Công báo; Website Chính phủ; Cơ sở dữ liệu quốc gia về văn bản QPPL; Website Bộ Nội vụ;
- Bộ Nội vụ: Bộ trưởng, các Thứ trưởng Bộ Nội vụ, các đơn vị thuộc, trực thuộc Bộ Nội vụ;
- Cục Kiểm tra văn bản và Quản lý xử lý VPHC, Bộ Tư pháp;
- Lưu: VT, VL (10b).

BỘ TRƯỞNG

Phạm Thị Thanh Trà

PHỤ LỤC
ĐẶC ĐIỂM KINH TẾ - KỸ THUẬT CỦA DỊCH VỤ
KIỂM ĐỊNH KỸ THUẬT AN TOÀN LAO ĐỘNG

(Ban hành kèm theo Thông tư số /2025/TT-BNV ngày tháng năm 2025 của
Bộ trưởng Bộ Nội vụ)

TT	Tên dịch vụ kiểm định		Đặc điểm cơ bản của dịch vụ
1	Nồi hơi	Công suất nhỏ hơn 01 tấn/giờ	Dịch vụ kiểm định được xác định theo quy trình kiểm định kỹ thuật an toàn nồi hơi và nồi đun nước nóng có nhiệt độ môi chất trên 115 ⁰ C số 01-2016/BLĐTBXH ban hành tại Thông tư số 54/2016/TT-BLĐTBXH ngày 28/12/2016 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội (nay là Bộ Nội vụ) ban hành 30 quy trình kiểm định kỹ thuật an toàn đối với máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (sau đây gọi tắt Thông tư số 54/2016/TT-BLĐTBXH ngày 28/12/2016 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội (nay là Bộ Nội vụ)).
		Công suất từ 01 tấn/giờ đến 02 tấn/giờ	
		Công suất từ trên 02 tấn/giờ đến 06 tấn/giờ	
		Công suất từ trên 06 tấn/giờ đến 10 tấn/giờ	
		Công suất từ trên 10 tấn/giờ đến 15 tấn/giờ	
		Công suất từ trên 15 tấn/giờ đến 25 tấn/giờ	
		Công suất từ trên 25 tấn/giờ đến 50 tấn/giờ	
		Công suất từ trên 50 tấn/giờ đến 75 tấn/giờ	
		Công suất từ trên 75 tấn/giờ đến 125 tấn/giờ	
		Công suất từ trên 125 tấn/giờ đến 200 tấn/giờ	
		Công suất từ trên 200 tấn/giờ đến 400 tấn/giờ	
		Công suất trên 400 tấn/giờ	
2	Bình chịu áp lực,	Dung tích đến 02 m ³	Dịch vụ kiểm định được xác định theo quy trình kiểm định an toàn bình chịu áp lực số 07-2016/BLĐTBXH ban hành tại Thông tư số 54/2016/TT-BLĐTBXH ngày 28/12/2016 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội (nay là Bộ Nội vụ).
		Dung tích từ trên 02 m ³ đến 10 m ³	
		Dung tích từ trên 10 m ³ đến 25 m ³	
		Dung tích từ trên 25 m ³ đến 50 m ³	
		Dung tích từ trên 50 m ³ đến 100 m ³	
		Dung tích từ trên 100 m ³ đến 500 m ³	
		Dung tích trên 500 m ³	
3		Năng suất lạnh đến 30.000 Kcal/h	

	Hệ thống lạnh	Năng suất lạnh từ trên 30.000 Kcal/h đến 100.000 Kcal/h	Dịch vụ kiểm định được xác định theo quy trình kiểm định kỹ thuật an toàn hệ thống lạnh số 08-2016/BLĐTBXH ban hành tại Thông tư số 54/2016/TT-BLĐTBXH ngày 28/12/2016 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội (nay là Bộ Nội vụ).
		Năng suất lạnh từ trên 100.000 Kcal/h đến 1.000.000 Kcal/h	
		Năng suất lạnh trên 1.000.000 Kcal/h	
4	Hệ thống đường ống áp lực	Đường kính ống đến 150 mm	Dịch vụ kiểm định được xác định theo quy trình kiểm định kỹ thuật an toàn hệ thống đường ống bằng kim loại dẫn khí nén, khí hóa lỏng, khí hòa tan số 31-2021/BLĐTBXH ban hành tại Thông tư số 08/2021/TT-BLĐTBXH ngày 30/8/2021 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội (nay là Bộ Nội vụ) Ban hành Quy trình kiểm định kỹ thuật an toàn hệ thống đường ống bằng kim loại dẫn khí nén, khí hóa lỏng, khí hòa tan.
		Đường kính ống trên 150 mm	
5	Cần trục và các loại máy trục khác		
5.1	Cần trục	Tải trọng dưới 3,0 tấn	Dịch vụ kiểm định được xác định theo quy trình kiểm định kỹ thuật an toàn an toàn cần trục tự hành số 10-2016/BLĐTBXH ban hành tại Thông tư số 54/2016/TT-BLĐTBXH ngày 28/12/2016 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội (nay là Bộ Nội vụ).
		Tải trọng từ 3,0 tấn đến 7,5 tấn	
		Tải trọng trên 7,5 tấn đến 15 tấn	
		Tải trọng trên 15 tấn đến 30 tấn	
		Tải trọng trên 30 tấn đến 75 tấn	
		Tải trọng trên 75 tấn đến 100 tấn	
		Tải trọng trên 100 tấn	
5.2		Tải trọng dưới 3,0 tấn	Dịch vụ kiểm định được xác định theo quy trình
		Tải trọng từ 3,0 tấn đến 7,5 tấn	

	Các loại máy khác	Tải trọng trên 7,5 tấn đến 15 tấn	kiểm định kỹ thuật an toàn thiết bị nâng kiểu cầu số 09-2016/BLĐTBXH ban hành tại Thông tư số 54/2016/TT-BLĐTBXH ngày 28/12/2016 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội (nay là Bộ Nội vụ).
		Tải trọng trên 15 tấn đến 30 tấn	
		Tải trọng trên 30 tấn đến 75 tấn	
		Tải trọng trên 75 tấn đến 100 tấn	
		Tải trọng trên 100 tấn	
5.3	Cần trục tháp	Tải trọng dưới 4 tấn	Dịch vụ kiểm định được xác định theo quy trình kiểm định kỹ thuật an toàn đối với cần trục tháp, ký hiệu QTKĐ:01-2016/BXD ban hành tại Thông tư số 29/2016/TT-BXD ngày 29/12/2016 của Bộ Xây dựng ban hành quy trình kiểm định kỹ thuật an toàn đối với cần trục tháp, máy vận thăng và sàn treo nâng người sử dụng trong thi công xây dựng (sau đây gọi tắt là Thông tư số 29/2016/TT-BXD ngày 29/12/2016 của Bộ Xây dựng) .
		Tải trọng từ 4 tấn đến 10 tấn	
		Tải trọng từ 10 tấn đến 40 tấn	
		Tải trọng trên 40 tấn	
6	Tời, Trục tải, cáp treo vận chuyển người, Tời thủ công có tải trọng từ 1.000 kg trở lên	Tải trọng đến 1,0 tấn và góc nâng từ 0 độ đến 35 độ	Dịch vụ kiểm định được xác định theo quy trình kiểm định kỹ thuật an toàn tời điện dùng để nâng tải số 14-2016/BLĐTBXH ban hành tại Thông tư số 54/2016/TT-BLĐTBXH ngày 28/12/2016 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội (nay là Bộ Nội vụ).
		Tải trọng trên 1,0 tấn đến 7,5 tấn và góc nâng từ 0 độ đến 35 độ	
		Tải trọng trên 7,5 tấn đến 15 tấn và góc nâng từ 0 độ đến 35 độ	
		Tải trọng trên 15 tấn đến 30 tấn và góc nâng từ 0 độ đến 35 độ	
		Tải trọng trên 30 tấn đến 75 tấn và góc nâng từ 0 độ đến 35 độ	
		Tải trọng trên 75 tấn và góc nâng từ 0 độ đến 35 độ	
		Tải trọng đến 1,0 tấn và góc nâng trên 35 độ đến 90 độ.	
		Tải trọng trên 1,0 tấn đến 7,5 tấn và góc nâng trên 35 độ đến 90 độ.	

		Tải trọng trên 7,5 tấn đến 15 tấn và góc nâng trên 35 độ đến 90 độ.	
		Tải trọng trên 15 tấn đến 30 tấn và góc nâng trên 35 độ đến 90 độ.	
		Tải trọng trên 30 tấn đến 75 tấn và góc nâng trên 35 độ đến 90 độ.	
		Tải trọng trên 75 tấn và góc nâng trên 35 độ đến 90 độ.	
		Cáp treo vận chuyển người	Dịch vụ kiểm định được xác định theo quy trình kiểm định kỹ thuật an toàn hệ thống cáp treo chở người số 30-2016/BLĐTBXH ban hành tại Thông tư số 54/2016/TT-BLĐTBXH ngày 28/12/2016 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội (nay là Bộ Nội vụ).
		Tời thủ công có tải trọng 1.000 kg trở lên.	Dịch vụ kiểm định được xác định theo quy trình kiểm định kỹ thuật an toàn tời tay số 16 - 2016/BLĐTBXH ban hành tại Thông tư số 54/2016/TT-BLĐTBXH ngày 28/12/2016 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội (nay là Bộ Nội vụ).

7	Máy vận thăng nâng hàng, nâng hàng kèm người, nâng người; Sàn nâng người, nâng hàng	Tải trọng nâng dưới 3 tấn	Dịch vụ kiểm định được xác định theo quy trình kiểm định kỹ thuật an toàn sàn nâng người số 12 - 2016/BLĐTBXH; quy trình kiểm định kỹ thuật an toàn vận thăng nâng hàng có người đi kèm số 19-2016/BLĐTBXH; quy trình kiểm định kỹ thuật an toàn vận thăng nâng số 20 -2016/BLĐTBXH hàng ban hành tại Thông tư số 54/2016/TT-BLĐTBXH ngày 28/12/2016 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội (nay là Bộ Nội vụ).
		Tải trọng nâng từ 3 tấn trở lên	
		Nâng người có số lượng đến 10 người	
		Nâng người có số lượng trên 10 người	
8	Thang máy các loại	Thang máy dưới 10 tầng dừng	Dịch vụ kiểm định được xác định theo quy trình kiểm định kỹ thuật an toàn thang máy số 02 - 2021/BLĐTBXH ban hành tại Thông tư số 12/2021/TT-BLĐTBXH ngày 30/9/2021 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội (nay là Bộ Nội vụ) Ban hành quy trình kiểm định kỹ thuật an toàn thang
		Thang máy từ 10 tầng dừng đến 20 tầng dừng	
		Thang máy trên 20 tầng dừng	

			máy thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.
9	Palăng điện, xích kéo tay	Palăng điện tải trọng đến 3 tấn, palăng xích kéo tay tải trọng nâng từ 1 tấn đến 3 tấn	Dịch vụ kiểm định được xác định theo quy trình kiểm định kỹ thuật an toàn thiết bị nâng kiểu cầu số 09 -2016/BLĐTBXH; quy trình kiểm định kỹ thuật an toàn pa lăng xích kéo tay số 13 -2016/BLĐTBXH ban hành tại Thông tư số 54/2016/TT-BLĐTBXH ngày 28/12/2016 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội (nay là Bộ Nội vụ).
		Palăng điện, palăng xích kéo tay tải trọng nâng từ trên 3 tấn đến 7,5 tấn	
		Palăng điện, xích kéo tay tải trọng nâng trên 7,5 tấn	
10	Xe nâng hàng dùng động cơ có tải trọng từ 1,0 tấn trở lên, xe tự hành nâng người.	Tải trọng nâng từ 1 tấn đến 3 tấn	Dịch vụ kiểm định được xác định theo quy trình kiểm định kỹ thuật an toàn tời tay số 17 - 2016/BLĐTBXH ban hành tại Thông tư số 54/2016/TT-BLĐTBXH ngày 28/12/2016 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội (nay là Bộ Nội vụ).
		Tải trọng nâng từ trên 3 tấn đến 7,5 tấn	
		Tải trọng nâng từ trên 7,5 tấn đến 15 tấn	
		Tải trọng trên 15 tấn	
		Xe tự hành nâng người (không phân biệt tải trọng)	Dịch vụ kiểm định được xác định theo quy trình kiểm định kỹ thuật an toàn xe nâng người số 18 - 2016/BLĐTBXH ban hành tại Thông tư số 54/2016/TT-BLĐTBXH ngày 28/12/2016 của Bộ

			Lao động Thương binh và Xã hội (nay là Bộ Nội vụ).
11	Hệ thống điều chế; nạp khí; khí hóa lỏng, hòa tan	Hệ thống có 20 miệng nạp trở xuống	Dịch vụ kiểm định được xác định theo quy trình kiểm định kỹ thuật an toàn hệ thống điều chế tồn trữ và nạp khí số 03-2016/BLĐTBXH ban hành tại Thông tư số 54/2016/TT-BLĐTBXH ngày 28/12/2016 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội (nay là Bộ Nội vụ).
		Hệ thống có 21 miệng nạp trở lên	
12	Chai dùng để chứa, chuyên chở khí nén, khí hóa lỏng, khí hòa tan	Chai chứa khí đốt hóa lỏng dung tích nhỏ hơn 30 lít (Kiểm định định kỳ)	Dịch vụ kiểm định được xác định theo quy trình kiểm định kỹ thuật an toàn chai chứa khí công nghiệp số 06-2021/BLĐTBXH ban hành tại Thông tư số 17/2021/TT-BLĐTBXH ngày 15/11/2021 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội (nay là Bộ Nội vụ) Ban hành quy trình kiểm định kỹ thuật an toàn chai chứa khí công nghiệp thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.
		Chai chứa khí đốt hóa lỏng dung tích từ 30 lít trở lên (Kiểm định định kỳ)	
		Chai chứa khí đốt hóa lỏng tiêu chuẩn (Kiểm định lần đầu)	
		Chai khác (không kể dung tích)	
		Chai chứa khí độc (không kể dung tích)	
13	Tàu lượn, đu quay, máng trượt và các công trình vui chơi khác	Tàu lượn, đu quay số lượng 20 người trở xuống	Dịch vụ kiểm định được xác định theo quy trình kiểm định kỹ thuật an toàn sân biểu diễn di động số 26-2016/BLĐTBXH, quy trình kiểm định kỹ thuật an toàn tàu lượn cao tốc số 27-2016/BLĐTBXH; quy trình kiểm định kỹ thuật an toàn hệ thống máng trượt số 28-2016/BLĐTBXH; quy trình kiểm định kỹ thuật an toàn đu quay số 29-2016/BLĐTBXH ban hành tại Thông tư số
		Tàu lượn, đu quay có số lượng từ 21 người trở lên	
		Máng trượt và công trình vui chơi khác	
		Sân biểu diễn, khán đài	

			54/2016/TT-BLĐTBXH ngày 28/12/2016 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội (nay là Bộ Nội vụ).
14	Thang cuốn, băng tải chở người	Thang cuốn không kể năng suất	Dịch vụ kiểm định được xác định theo quy trình kiểm định kỹ thuật an toàn thang cuốn và băng tải chở người số 26-2016/BLĐTBXH ban hành tại Thông tư số 54/2016/TT-BLĐTBXH ngày 28/12/2016 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội (nay là Bộ Nội vụ).
		Băng tải chở người không kể năng suất	
15	Nồi đun nước nóng	Công suất nhỏ hơn 500.000 Kcal/h	Dịch vụ kiểm định được xác định theo quy trình kiểm định kỹ thuật an toàn nồi hơi và nồi đun nước nóng có nhiệt độ môi chất trên 1150C số 01-2016/BLĐTBXH ban hành tại Thông tư số 54/2016/TT-BLĐTBXH ngày 28/12/2016 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội (nay là Bộ Nội vụ).
		Công suất từ 500.000 đến 750.000 Kcal/h	
		Công suất từ trên 750.000 Kcal/h đến 1.000.000 Kcal/h	
		Công suất từ trên 1.000.000 Kcal/h đến 1.500.000 Kcal/h	
		Công suất từ trên 1.500.000 Kcal/h đến 2.000.000 Kcal/h	
		Công suất trên 2.000.000 Kcal/h	
16	Nồi gia nhiệt dầu	Công suất nhỏ hơn 1.000.000 Kcal/h	Dịch vụ kiểm định được xác định theo quy trình kiểm định nồi gia nhiệt dầu số 02-2016/BLĐTBXH ban hành tại Thông tư số 54/2016/TT-BLĐTBXH ngày 28/12/2016 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội (nay là Bộ Nội vụ).
		Công suất từ 1.000.000 đến 2.000.000 Kcal/h	
		Công suất từ trên 2.000.000 Kcal/h đến 4.000.000 Kcal/h	
		Công suất trên 4.000.000 Kcal/h	
17	Máy vận thăng sử dụng trong thi công xây dựng; Sàn treo nâng người sử	Tải trọng dưới 3 tấn	Dịch vụ kiểm định được xác định theo quy trình kiểm định kỹ thuật an toàn đối với máy vận thăng sử dụng trong thi công xây dựng, ký hiệu QTKĐ:02-2016/BXD; quy trình kiểm định an toàn đối với sàn
		Tải trọng từ 3 tấn trở lên	
		Nâng người có số lượng đến 10	
		Nâng người có số lượng trên 10 người	

	dụng trong thi công xây dựng		treo nâng người sử dụng trong thi công xây dựng, ký hiệu QTKĐ: 03/2016/BXD ban hành tại Thông tư số 29/2016/TT-BXD ngày 29/12/2016 của Bộ Xây dựng.
18	Hệ thống cốp pha trượt	Hệ thống cốp pha trượt	Dịch vụ kiểm định được xác định theo quy trình kiểm định kỹ thuật an toàn đối với hệ thống cốp pha trượt, ký hiệu QTKĐ: 04/2017/BXD ban hành tại Thông tư số 11/2017/TT-BXD ngày 16/10/2017 của Bộ Xây dựng, ban hành quy trình kiểm định kỹ thuật an toàn đối với hệ thống cốp pha trượt; cần phân phối bê tông độc lập; máy khoan, máy ép cọc, đóng cọc sử dụng trong thi công xây dựng công trình.
19	Cần phân phối bê tông độc lập	Cần phân phối bê tông độc lập	Dịch vụ kiểm định được xác định theo quy trình kiểm định kỹ thuật an toàn đối với cần phân phối bê tông độc lập, ký hiệu QTKĐ: 05/2017/BXD ban hành tại Thông tư số 11/2017/TT-BXD ngày 16/10/2017 của Bộ Xây dựng ban hành quy trình kiểm định kỹ thuật an toàn đối với hệ thống cốp pha trượt; cần phân phối bê tông độc lập; máy khoan, máy ép cọc, đóng cọc sử dụng trong thi công xây dựng công trình.
20	Máy khoan, máy ép cọc, đóng	Máy khoan, máy ép cọc, đóng cọc sử dụng trong thi công xây dựng	Dịch vụ kiểm định được xác định theo quy trình kiểm định kỹ thuật an toàn đối với Máy khoan, máy ép

	cọc sử dụng trong thi công xây dựng		cọc, đóng cọc sử dụng trong thi công xây dựng, ký hiệu QTKĐ: 01/2018/BXD ban hành tại Thông tư số 09/2018/TT-BXD ngày 15/11/2018 của Bộ Xây dựng ban hành quy trình kiểm định kỹ thuật an toàn đối với máy khoan, máy ép cọc, đóng cọc sử dụng trong thi công xây dựng.
21	Tời mỏ sử dụng trong khai thác mỏ hầm lò	Tời mỏ sử dụng trong khai thác mỏ hầm lò góc nâng từ $0^{\circ} \div 35^{\circ}$ tải trọng từ 1,0 tấn đến dưới 3,0 tấn	Dịch vụ kiểm định được xác định theo quy trình kiểm định kỹ thuật an toàn lao động Tời, trục tải có tải trọng 10000N trở lên sử dụng trong khai thác hầm lò số 10-2017/BCT ban hành kèm theo Thông tư 10/2017/TT- BCT ngày 26/7/2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành quy trình kiểm định kỹ thuật an toàn lao động đối với máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Công Thương (sau đây gọi tắt là Thông tư 10/2017/TT- BCT ngày 26/7/2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương); Thông tư số 12/2020/TT-BCT sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều của Thông tư số 09/2017/TT-BCT ngày 13/7/2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động thuộc thẩm quyền quản lý của bộ công thương và một số quy trình kiểm định ban hành kèm theo thông tư số
		Tời mỏ sử dụng trong khai thác mỏ hầm lò góc nâng từ $0^{\circ} \div 35^{\circ}$ tải trọng từ 3,0 tấn đến dưới 6,0 tấn	
		Tời mỏ sử dụng trong khai thác mỏ hầm lò góc nâng từ $0^{\circ} \div 35^{\circ}$ tải trọng từ 6,0 tấn đến dưới 9,0 tấn	
		Tời mỏ sử dụng trong khai thác mỏ hầm lò góc nâng từ $0^{\circ} \div 35^{\circ}$ tải trọng từ 9,0 tấn đến dưới 12,0 tấn	
		Tời mỏ sử dụng trong khai thác mỏ hầm lò góc nâng từ $0^{\circ} \div 35^{\circ}$ tải trọng từ 12,0 tấn đến dưới 20,0 tấn	
		Tời mỏ sử dụng trong khai thác mỏ hầm lò góc nâng từ $0^{\circ} \div 35^{\circ}$ tải trọng trên 20,0 tấn	

			10/2017/TT-BCT ngày 26 tháng 7 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Công thương ban hành quy trình kiểm định kỹ thuật an toàn lao động đối với máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Công thương (sau đây gọi tắt là Thông tư số 12/2020/TT-BCT sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều của Thông tư số 09/2017/TT-BCT ngày 13/7/2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương).
22	Trục tải mở sử dụng trong khai thác mỏ hầm lò	Trục tải mở sử dụng trong khai thác mỏ hầm lò góc nâng $> 35^\circ \div 90^\circ$ tải trọng từ 1,0 tấn đến dưới 3,0 tấn Trục tải mở sử dụng trong khai thác mỏ hầm lò góc nâng $> 35^\circ \div 90^\circ$ tải trọng từ 3,0 tấn đến dưới 6,0 tấn Trục tải mở sử dụng trong khai thác mỏ hầm lò góc nâng $> 35^\circ \div 90^\circ$ tải trọng từ 6,0 tấn đến dưới 9,0 tấn Trục tải mở sử dụng trong khai thác mỏ hầm lò góc nâng $> 35^\circ \div 90^\circ$ tải trọng từ 9,0 tấn đến dưới 12,0 tấn Trục tải mở sử dụng trong khai thác mỏ hầm lò góc nâng $> 35^\circ \div 90^\circ$ tải trọng từ 12,0 tấn đến dưới 20,0 tấn Trục tải mở sử dụng trong khai thác mỏ hầm lò góc nâng $> 35^\circ \div 90^\circ$ tải trọng trên 20,0 tấn	Dịch vụ kiểm định được xác định theo quy trình kiểm định kỹ thuật an toàn lao động Tờ, trục tải có tải trọng 10000N trở lên sử dụng trong khai thác mỏ số 10-2017/BCT ban hành kèm theo Thông tư 10/2017/TT-BCT ngày 26/7/2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương; Thông tư số 12/2020/TT-BCT sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều của Thông tư số 09/2017/TT-BCT ngày 13/7/2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương.
23	Cột chống thủy lực; Giá chống thủy lực; Giàn	Cột chống thủy lực đơn sử dụng trong khai thác hầm lò, không phân biệt áp lực làm việc; Cột chống thủy lực hai chiều sử dụng trong khai thác hầm lò, không phân biệt áp lực làm việc	Dịch vụ kiểm định được xác định theo quy trình kiểm định kỹ thuật an toàn lao động đối với cột chống thủy lực; vì chống thủy lực đơn, giá chống thủy lực và

	chống thủy lực	Giá chống thủy lực loại 02 cột không phân biệt sức kháng công tác (tải trọng làm việc) sử dụng trong khai thác hầm lò	giàn chống thủy lực sử dụng trong việc chống giữ lò trong khai thác hầm lò số 09-2017/BCT ban hành kèm theo Thông tư 10/2017/TT- BCT ngày 26/7/2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương; Thông tư số 12/2020/TT-BCT sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều của Thông tư số 09/2017/TT-BCT ngày 13/7/2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương.
		Giá chống thủy lực loại 04 cột không phân biệt sức kháng công tác (tải trọng làm việc) sử dụng trong khai thác hầm lò	
		Giàn chống thủy lực không phân biệt sức kháng công tác (tải trọng làm việc) sử dụng trong khai thác hầm lò	
24	Máy biến áp phòng nổ	Máy biến áp phòng nổ (trạm biến áp phòng nổ) công suất dưới 180 kVA	Dịch vụ kiểm định được xác định theo quy trình kiểm định kỹ thuật an toàn lao động Trạm biến áp phòng nổ số 11-2017/BCT ban hành kèm theo Thông tư 10/2017/TT- BCT ngày 26/7/2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương; Thông tư số 12/2020/TT- BCT sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều của Thông tư số 09/2017/TT- BCT ngày 13/7/2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương.
		Máy biến áp phòng nổ (trạm biến áp phòng nổ) công suất từ 180 kVA trở lên	
25	Động cơ điện phòng nổ	Động cơ điện phòng nổ công suất nhỏ hơn 10 kW	Dịch vụ kiểm định được xác định theo quy trình kiểm định kỹ thuật an toàn lao động động cơ điện phòng nổ số 12-2017/BCT ban hành kèm theo Thông tư 10/2017/TT- BCT ngày 26/7/2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương; Thông tư số 12/2020/TT- BCT sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều của Thông tư số 09/2017/TT- BCT ngày 13/7/2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương.
		Động cơ điện phòng nổ công suất từ 10 kW đến dưới 50 kW	
		Động cơ điện phòng nổ công suất từ 50 kW đến dưới 100 kW	
		Động cơ điện phòng nổ công suất từ 100 kW đến dưới 200 kW	
		Động cơ điện phòng nổ công suất từ 200 kW đến dưới 300 kW	
		Động cơ điện phòng nổ công suất từ 300 kW trở lên.	

26	Thiết bị phân phối đóng cắt phòng nổ	Thiết bị phân phối đóng cắt phòng nổ (átômát, khởi động từ, cầu dao phòng nổ các loại).	Dịch vụ kiểm định được xác định theo quy trình kiểm định kỹ thuật an toàn lao động thiết bị phân phối đóng cắt phòng nổ số 13-2017/BCT ban hành kèm theo Thông tư số 10/2017/TT- BCT ngày 26/7/2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương; Thông tư số 12/2020/TT-BCT sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều của Thông tư số 09/2017/TT-BCT ngày 13/7/2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương.
		Thiết bị phân phối đóng cắt phòng nổ (máy cắt, biến tần, khởi động mềm phòng nổ các loại)	Dịch vụ kiểm định được xác định theo quy trình kiểm định kỹ thuật an toàn lao động thiết bị phân phối đóng cắt phòng nổ số 13-2017/BCT ban hành kèm theo Thông tư số 10/2017/TT- BCT ngày 26/7/2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương; Thông tư số 12/2020/TT-BCT sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều của Thông tư số 09/2017/TT-BCT ngày 13/7/2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương.
27	Thiết bị điều khiển phòng nổ	Thiết bị điều khiển phòng nổ (tủ điều khiển phòng nổ) có điện áp dưới 690 V.	Dịch vụ kiểm định được xác định theo quy trình kiểm định kỹ thuật an toàn lao động thiết bị điều khiển phòng nổ số 14-2017/BCT ban hành kèm theo Thông tư số 10/2017/TT- BCT ngày 26/7/2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương; Thông tư số 12/2020/TT-BCT sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều của Thông
		Thiết bị điều khiển phòng nổ (tủ điều khiển phòng nổ) có điện áp từ 690 V trở lên.	
		Thiết bị điều khiển phòng nổ (bảng điều khiển, hộp nút bấm)	

			tur số 09/2017/TT- BCT ngày 13/7/2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương.
28	Rơ le rò phòng nổ	Rơ le rò phòng nổ có điện áp $\leq 690V$	Dịch vụ kiểm định được xác định theo quy trình kiểm định kỹ thuật an toàn lao động thiết bị điều khiển phòng nổ số 14-2017/BCT ban hành kèm theo Thông tư số 10/2017/TT- BCT ngày 26/7/2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương; Thông tư số 12/2020/TT- BCT sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều của Thông tư số 09/2017/TT- BCT ngày 13/7/2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương.
		Rơ le rò phòng nổ có điện áp lớn $> 690V$	
29	Máy phát điện phòng nổ	Máy phát điện phòng nổ có công suất dưới 100 kVA	Dịch vụ kiểm định được xác định theo quy trình kiểm định kỹ thuật an toàn lao động Máy phát điện phòng nổ số 15-2017/BCT ban hành kèm theo Thông tư số 10/2017/TT- BCT ngày 26/7/2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương; Thông tư số 12/2020/TT- BCT sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều của Thông tư số 09/2017/TT- BCT ngày 13/7/2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương.
		Máy phát điện phòng nổ có công suất từ 100 kVA trở lên	
30	Cáp điện phòng nổ; Cáp điều khiển, thông tin liên lạc	Cáp điện phòng nổ có điện áp sử dụng $\leq 1.140 V$	Dịch vụ kiểm định được xác định theo quy trình kiểm định kỹ thuật an toàn lao động cáp điện phòng nổ số 16- 2017/BCT ban hành kèm theo Thông tư số 10/2017/TT- BCT ngày 26/7/2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương; Thông tư số 12/2020/TT- BCT sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ
		Cáp điện phòng nổ có điện áp sử dụng $> 1.140 V$.	
		Cáp điều khiển, thông tin liên lạc vỏ chống cháy lan truyền các loại	

			một số điều của Thông tư số 09/2017/TT- BCT ngày 13/7/2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương.
31	Đèn chiếu sáng phòng nổ; Đèn chiếu sáng cá nhân phòng	Đèn chiếu sáng phòng nổ có điện áp ≤ 127 V	Dịch vụ kiểm định được xác định theo quy trình kiểm định kỹ thuật an toàn lao động đèn chiếu sáng phòng nổ số 17-2017/BCT ban hành kèm theo Thông tư số 10/2017/TT- BCT ngày 26/7/2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương; Thông tư số 12/2020/TT- BCT sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều của Thông tư số 09/2017/TT- BCT ngày 13/7/2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương.
		Đèn chiếu sáng phòng nổ có điện áp > 127 V	
		Đèn chiếu sáng phòng nổ tàu điện, máy đào lò, máy vận tải, không phân biệt tham số.	
		Đèn chiếu sáng cá nhân phòng, không phân biệt tham số.	
32	Máy nổ mìn điện phòng nổ	Máy nổ mìn điện phòng nổ, không phân biệt tham số	Dịch vụ kiểm định được xác định theo quy trình kiểm định kỹ thuật an toàn lao động máy nổ mìn điện số 18- 2017/BCT ban hành kèm theo Thông tư số 10/2017/TT- BCT ngày 26/7/2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương; Thông tư số 12/2020/TT- BCT sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều của Thông tư số 09/2017/TT- BCT ngày 13/7/2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương.
33	Chai chứa LPG thép hàn	Chai chứa LPG thép hàn (loại 2 mảnh, kiểm định lần đầu, bất thường).	Dịch vụ kiểm định được xác định theo quy trình kiểm định kỹ thuật an toàn lao động chai thép hàn nạp lại được dùng cho khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG) QTKĐ: 08-2017/BCT ban hành kèm theo Thông tư số 10/2017/TT- BCT

		Chai chứa LPG thép hàn (loại 2 mảnh, kiểm định định kỳ).	ngày 26/7/2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương
		Chai chứa LPG thép hàn (loại 3 mảnh, kiểm định lần đầu, bất thường).	Dịch vụ kiểm định được xác định theo quy trình kiểm định kỹ thuật an toàn lao động chai thép hàn nạp lại được dùng cho khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG) QTKĐ: 08-2017/BCT ban hành kèm theo Thông tư số 10/2017/TT- BCT ngày 26/7/2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương.
		Chai chứa LPG thép hàn (loại 3 mảnh, kiểm định định kỳ).	Dịch vụ kiểm định được xác định theo quy trình kiểm định kỹ thuật an toàn lao động chai thép hàn nạp lại được dùng cho khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG) QTKĐ: 08-2017/BCT ban hành kèm theo Thông tư số 10/2017/TT- BCT ngày 26/7/2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương.
	34	Chai chứa LPG Composite (kiểm định lần đầu, bất thường)	Dịch vụ kiểm định được xác định theo quy trình kiểm định kỹ thuật an toàn lao động chai LPG Composite QTKĐ: 19-2024/BCT ban hành kèm theo Thông tư số 22/2024/TT- BCT ngày 07/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành quy trình kiểm định kỹ thuật an toàn lao động chai LPG composite.
		Chai chứa LPG Composite (kiểm định định kỳ)	Dịch vụ kiểm định được xác định theo quy trình kiểm định kỹ thuật an toàn lao động chai LPG Composite QTKĐ: 19-2024/BCT ban hành kèm theo Thông tư số

			22/2024/TT- BCT ngày 07/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành quy trình kiểm định kỹ thuật an toàn lao động chai LPG composite.
35	Đường ống dẫn khí đốt cố định bằng kim loại	Đường ống dẫn khí đốt cố định bằng kim loại	Dịch vụ kiểm định được xác định theo quy trình kiểm định kỹ thuật an toàn lao động đường ống dẫn khí đốt cố định bằng kim loại QTKĐ: 05- 2017/BCT ban hành kèm theo Thông tư số 10/2017/TT- BCT ngày 26/7/2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương.